

Phụ lục 9

DỰ KIẾN KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ VỐN NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG (VỐN NƯỚC NGOÀI) NĂM 2026

(Kèm theo Nghị quyết số 24/NQ-HĐND ngày 22 tháng 8 năm 2025 của HĐND tỉnh Quảng Ngãi)

Đơn vị: Triệu đồng

TT	Danh mục dự án	Nhóm dự án	Nhà tài trợ	Ngày ký kết hiệp định	Ngày kết thúc Hiệp định	Quyết định đầu tư									KH đầu tư trung hạn giai đoạn 2021-2025								Dự kiến kế hoạch năm 2026					Ghi chú
						Số quyết định	TMDT							Kế hoạch giai đoạn 2021-2025				Lũy kế đã bố trí vốn đến hết kế hoạch năm 2025										
							Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó:			Vốn nước ngoài (theo Hiệp định)				Tổng số	Trong đó:			Tổng số	Trong đó:			Tổng số	Trong đó:				
								Tổng số	Trong đó: vốn NSTW	Tính bằng nguyên tệ	Quy đổi ra tiền Việt			Tổng số		Vốn đối ứng nguồn NSTW	Vốn nước ngoài (vốn NSTW)	Tổng số		Vốn đối ứng nguồn NSTW	Vốn nước ngoài (vốn NSTW)							
											Tổng số	Đưa vào cân đối NSTW	Vay lại									Tổng số		Trong đó: thu hồi các khoản vốn ứng trước	Vốn nước ngoài (vốn NSTW)			
																										Tổng số	Trong đó: thu hồi các khoản vốn ứng trước	
1	2	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	28	29	30	31	32	33	34	35	36	37	38	39	40	41	
	TỔNG SỐ						1,416,142	275,813			1,133,470	852,498	280,972	255,621	0	0	229,313	51,828	0	0	34,065	126,850	0	0	30,181	75,168		
A	VỐN NƯỚC NGOÀI KHÔNG GIẢI NGÂN THEO CƠ CHẾ TÀI CHÍNH TRONG NƯỚC						1,416,142	275,813			1,133,470	852,498	280,972	255,621	0	0	229,313	51,828	0	0	34,065	126,850	0	0	30,181	75,168		
I	Ngành, Lĩnh vực nông nghiệp, lâm nghiệp, diêm nghiệp, thủy lợi và thủy sản						1,416,142	275,813	0	0	1,133,470	852,498	280,972	255,621	0	0	229,313	51,828	0	0	34,065	126,850	0	0	30,181	75,168		
I.1.	Danh mục dự án chuyển tiếp hoàn thành sau năm 2025						421,651	84,849	0	0	336,802	265,133	71,669	255,132	0	0	229,313	51,339	0	0	34,065	104,350	0	0	17,681	65,168		
b	Dự án nhóm B						421,651	84,849			336,802	265,133	71,669	255,132	0	0	229,313	51,339	0	0	34,065	104,350	0	0	17,681	65,168		
1	Dự án Lăng Hòa bình Việt Nam - Hàn Quốc (KVPPV) tại tỉnh Quảng Ngãi	B	KOICA	2022	2026	1794/QĐ-UBND ngày 23/12/2022	100,579	9,587			3,925 triệu USD	90,992	90,992		99,000			90,000	37,520			34,065	16,500			1,500	15,000	
2	Dự án Hiện đại hóa thủy lợi thích ứng biến đổi khí hậu	B	ADB			655/QĐ-UBND, ngày 27/12/2023 của UBND tỉnh KT (cũ)	321,072	75,262			10,664 triệu USD	245,810	174,141	71,669	156,132			139,313	13,819			0	87,850			16,181	50,168	Đang đàm phán để ký kết Hiệp định vay, Hiệp định viện trợ của dự án
I.2.	Danh mục dự án khởi công mới năm 2026						994,491	190,964	0	0	796,668	587,365	209,303	489	0	0	0	489	0	0	0	22,500	0	0	12,500	10,000		
c	Dự án nhóm C						994,491	190,964	0		796,668	587,365	209,303	489	0	0	0	489	0	0	0	22,500	0	0	12,500	10,000		
1	Dự án Nâng cao năng lực trồng, quản lý, bảo vệ rừng bền vững, gắn với phát triển sinh kế tại Vườn quốc gia Chư Mom Ray	C	CP nước Cộng hòa Italia				49,691				1,722 triệu EUR	42,832	42,832									10,000			10,000		Dự án thuộc đối tượng không phải phê duyệt CTĐT, đang trong quá trình lập, trình phê duyệt chủ trương đầu tư dự án	
2	Phát triển hạ tầng chuỗi giá trị nông nghiệp thông minh thích ứng với biến đổi khí hậu	B	ADB				591,006	127,330			19,219 triệu USD	463,676	324,573	139,103	261				261			10,000			10,000		Dự án đã được TTCP phê duyệt để xuất dự án, đang trong quá trình lập, trình phê duyệt chủ trương đầu tư dự án	
3	Dự án Bảo vệ, khôi phục và phát triển rừng bền vững ở Tây Nguyên - Hợp phần tỉnh Quảng Ngãi	B	Cộng hòa Liên bang Đức				353,794	63,634			11,160 triệu EUR	290,160	219,960	70,200	228				228			2,500			2,500		Dự án đã được TTCP phê duyệt để xuất dự án, đang trong quá trình lập, trình phê duyệt chủ trương đầu tư dự án	